

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: TƯƠNG ƯNG BỘ – SAMYUTTANIKĀYA

Bài học ngày 26.11.2022

ANH HÙNG BIẾT TRỌNG ANH HÙNG
Kinh Cao Nhân Rừng Thẳm (Araññāyatanaṣisuttam)
CHƯƠNG XI. TƯƠNG ƯNG SAKKA, PHẨM THỨ NHẤT (S. i, 226)

Người đời nói “anh hùng biết trọng anh hùng”. Trong lãnh vực tinh thần thì người hiền thiện biết trân quý người hiền thiện. Chư thiên chánh kiến kính quý những bậc giới hạnh cao đức. Ngược lại chư thiên ác kiến thì coi thường. Có những giá trị vượt ngoài ranh giới của chủng loại, địa vị, giai tầng xã hội. Người tầm thường chỉ biết thưởng thức hương thơm vật chất trong lúc những bậc trí thì thưởng thức giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương.



Kinh Văn

Sāvattiyam. “Bhūtapubbaṃ, bhikkhave, sambahulā isayo sīlavanto kalyāṇadhammā araññāyatane paṇṇakuṭṭisu sammanti. Atha kho, bhikkhave, sakko ca devānamindo vepacitti ca asurindo yena te isayo sīlavanto kalyāṇadhammā tenupasaṅkamimsu. Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo paṭaliyo upāhanā ārohitvā khaggaṃ olaggetvā chattaṇa dhāriyamānena aggadvārena assamaṃ pavisitvā te isayo sīlavante kalyāṇadhamme apabyāmato karitvā atikkami. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo paṭaliyo upāhanā orohitvā khaggaṃ aññesaṃ datvā chattaṃ apanāmetvā dvāreneva assamaṃ pavisitvā te isayo sīlavante kalyāṇadhamme anuvātaṃ pañjaliko namassamāno aṭṭhāsi”. Atha kho, bhikkhave, te isayo sīlavanto kalyāṇadhammā sakkaṃ devānamindaṃ gāthāya ajjhabhāsimsu –

Tại Sāvattī.

Này chư Tỳ khuru, thuở xưa có nhiều ả sĩ cao đức hiền thiện cộng trú trong những am thất tại một khu rừng. Này chư Tỳ khuru, bấy giờ Thiên chủ Sakka và A tu la vương Vepacitti đi đến các vị ả sĩ .

Này chư Tỳ khuru, khi ấy A tu la vương Vepacitti chân mang giày ống, trên người đeo kiếm, đi vào tu viện qua bằng cổng chính với cò lọng. Sau khi bước vào rẽ về phía trái các ần sĩ và giữ một khoảng cách. Còn Thiên chủ Sakka thì tháo giày, trao kiếm cho tùy tùng, hạ cò lọng, đi vào tu viện qua cổng nhỏ, đứng một bên chấp tay kính lễ những ần sĩ giới hạnh, hiền thiện.

Này chư Tỳ khuru, các vị ần sĩ nói với Thiên chủ Sakka bằng kệ ngôn:

**“Gandho isīnaṃ ciradikkhitānaṃ,
Kāyā cuto gacchati mālutena;
Ito paṭikkamma sahasanetta,
Gandho isīnaṃ asuci devarājā”ti.**

“Mùi từ thân ần sĩ
Vốn tu hành đã lâu
Từ thân bay theo gió
Bậc Thiên Nhân hãy tránh
Mùi hôi, thưa thiên chủ.

(Sakka):

**“Gandho isīnaṃ ciradikkhitānaṃ,
Kāyā cuto gacchatu mālutena,
Sucitrapupphaṃ sirasmiṃva mālaṃ;
Gandhaṃ etaṃ paṭikañkhāma bhante,
Na hettha devā paṭikūlasaññino”ti.**

“Mùi từ thân ần sĩ
Vốn tu hành đã lâu
Từ thân bay theo gió
Chúng con mong mùi ấy
Như hoa thơm trên đầu
Chư thiên không ghê tởm.



**“Gandho isīnaṃ ciradikkhitānaṃ = mùi nơi các ần sĩ
Kāyā cuto gacchati mālutena = từ thân bay theo gió**

Ito paṭikkamma sahasanetta = Hỡi bậc Thiên Nhân, hãy đi nơi khác
Gandho isīnaṃ asuci devarājā”ti = Vì mùi của những ả sĩ hôi, thưa Thiên chủ

“**Gandho isīnaṃ ciradikkhitānaṃ** = mùi nơi các ả sĩ

Kāyā cuto gacchatu mālutena = từ thân bay theo gió

Sucitrapupphaṃ sirasmiṃva mālaṃ = như tràng hoa trên đầu

Gandhaṃ etaṃ paṭikaṅkhāma bhante = chúng con mong được mùi hương ấy, thưa các Ngài.

Na hettha devā paṭikūlasaññino”ti = chư thiên không thấy đó là điều khó chịu



Thích nghĩa

Mang giày dép, đeo binh khí, tiến vào với dù lọng, đi ngược chiều kim đồng hồ là thái độ cao ngạo thiếu tôn kính đối với các bậc cao đức.

Đối với chư thiên, mùi từ thân nhân loại không được tinh khiết. Thiên chủ Đế Thích với lòng kính trọng những bậc cao đức giới hạnh thì chẳng những không khó chịu mà rất hoan hỷ khi đến đánh lễ và phục vụ Đức Phật, chư vị thánh tăng, hay những bậc tu hành cao trọng.

Danh gọi sahasanetta – Đấng Thiên Nhân – vốn được dùng để chỉ cho Thiên chủ Đế Thích. Trong Phật giáo Bắc Truyền thì Thiên thủ thiên nhân chỉ cho Đức Quán Thế Âm Bồ Tát.

Cụm từ “sucitrapupphaṃ sirasmiṃva mālaṃ – như tràng hoa trên đầu” là hoa kết có mùi thơm dùng để trang sức và áp chế mùi của thân thể.

Tỳ khưu Giác Đăng dịch và biên soạn giáo trình

9. Araññāyatanaṃ [Mūla]

255. Sāvattiyā. “Bhūtapubbaṃ, bhikkhave, sambahulā isayo sīlavanto kalyāṇadhammā araññāyatane paṇṇakuṭṭisu sammanti. Atha kho, bhikkhave, sakko ca devānamindo vepacitti ca asurindo yena te isayo sīlavanto kalyāṇadhammā tenupasaṅkamimsu. Atha kho, bhikkhave, vepacitti asurindo paṭaliyo [aṭaliyo (sī. syā. kaṃ. pī.), aṭaliyo (ka.) ma. ni. 2.410] upāhanā ārohitvā khaggaṃ olaggetvā chattaṇa dhāriyamānena aggadvārena assamaṃ pavisitvā te isayo sīlavante

kalyāṇadhamme apabyāmato karitvā atikkami. Atha kho, bhikkhave, sakko devānamindo paṭaliyo upāhanā orohitvā khaggaṃ aññesaṃ datvā chattaṃ apanāmetvā dvārenea assamaṃ pavisitvā te isayo sīlavante kalyāṇadhamme anuvātaṃ pañjaliko namassamāno aṭṭhāsi”. Atha kho, bhikkhave, te isayo sīlavanto kalyāṇadhammā sakkamaṃ devānamindaṃ gāthāya ajjhabhāsiṃsu –

“Gandho isīnaṃ ciradikkhitānaṃ,
Kāyā cuto gacchati mālutena;
Ito paṭikkamma sahasanetta,
Gandho isīnaṃ asuci devarājā”ti.

“Gandho isīnaṃ ciradikkhitānaṃ,
Kāyā cuto gacchatu [gacchati (sī. syā. kaṃ.)] mālutena,
Sucitrapupphaṃ sirasmiṃva mālaṃ;
Gandhaṃ etaṃ paṭikaṅkhāma bhante,
Na hettha devā paṭikūlasaññino”ti.

9. Araññāyatanaṃsuttavaṇṇanā [Aṭṭhakathā]

255. Navame **paṇṇakuṭṭisu sammantīti** himavantaṃ padese ramaṇīye araññāyatane rattitṭhānadivāṭṭhānacaṅkamaṇādīhi sampannāsu paṇṇasālāsu vasanti. **Sakko ca devānamindo vepacitti cāti** ime dve janā jāmātikasasurā kālena kalahaṃ karonti, kālena ekato caranti, imasmiṃ pana kāle ekato caranti. **Paṭaliyoti** gaṇaṅgaṇupāhanā. **Khaggaṃ olaggetvāti** khaggaṃ aṃse olaggetvā. **Chattenāti** dibbasetacchattena matthake dhārayamānena. **Apabyāmato karitvāti** byāmato akatvā. **Ciradikkhitānanti** cirasamādiṇṇavatānaṃ. **Ito paṭikkammāti** “ito pakkama parivajjaya, mā uparivāte tiṭṭhā”ti vadanti. **Na hettha devāti** etasmiṃ sīlavantānaṃ gandhe devā na paṭikkūlasaññino, iṭṭhakantamanāpasaññinoyevāti dīpeti. Navamaṃ.